

Bản án số: 47/2025/DS-ST  
Ngày 21 - 02- 2025  
V/v tranh chấp đồng hụi

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

**- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hồ Thanh Phong

Ông Nguyễn Văn Hiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam D.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 910/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc “tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp Mương Điều A, xã Tạ An Kh, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp Tân Điền A, xã Tạ An Kh, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Võ Trung Th, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp Tân Điền A, xã Tạ An Kh, huyện Đam D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Nguyên đơn ông N trình bày:*

Ông có tham gia hụi do ông Th và bà Đ làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 29/5/2014, gồm 27 phần, ông tham gia 1 phần. Vào kì khai thứ 13 ông được lĩnh hụi nhưng ông Th và bà Đ không giao hụi. Số tiền lĩnh hụi là 24.000.000 đồng, trừ hoa hồng 1.200.000 đồng, số tiền được hưởng là 22.800.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Loại hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 25/5/2014, gồm 31 phần, ông tham gia 1 phần. Vào kì khai thứ 29 ông được lĩnh hụi nhưng ông Th và bà Đ không giao hụi. Số tiền lĩnh hụi là 56.000.000 đồng, trừ hoa hồng 1.200.000

đồng, số tiền được hưởng là 54.800.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Loại hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 10/3/2016, gồm 25 phần, ông tham gia 1 phần, ông góp được 6 kì thì ông Th và bà Đ đình hụi. Số tiền hụi được hưởng là 30.000.000 đồng, trừ hoa hồng 2.000.000 đồng thì còn 28.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi là 105.600.000 đồng nhưng sau đó ông Th và bà Đ có thanh toán được 48.000.000 đồng, còn lại 57.600.000 đồng. Bà Đ có làm giấy nợ thừa nhận còn nợ ông 57.600.000 đồng. Ông có nhiều lần yêu cầu ông Th và bà Đ thanh toán nhưng ông bà chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Th và bà Đ có nghĩa vụ trả cho ông số tiền hụi còn nợ là 57.600.000 đồng.

*\* Bị đơn ông Th trình bày:*

Ông thừa nhận ông N có tham gia các dây hụi nêu trên là đúng. Theo giấy tính tiền hụi ngày 15/3/2017 mà ông N cung cấp ông xác định là do bà Đ tính toán và đối chiếu số tiền hụi còn nợ là đúng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh hiện nay quá khó khăn, ông xin trả cho ông N số tiền vốn góp. Sau khi trừ đi số tiền đã thanh toán thì còn nợ 36.000.000 đồng, ông đồng ý cùng bà Đ trả cho ông N 36.000.000 đồng.

*\* Theo đơn trình bày của bà Nguyễn Thị Đ, đề ngày 18/02/2025 thể hiện:*

Bà thừa nhận có tính tiền hụi với ông N số tiền 57.000.000 đồng nhưng do trong lúc đó hụi đình mà ông N yêu cầu bà trả bằng số tiền hụi chết. Nay bà yêu cầu được trả số tiền mà ông N thực góp, cụ thể: Dây hụi 5.000.000 đồng, ông N góp được 6 kì bằng 21.000.000 đồng; dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 29/5/2014, góp được 28 kì bằng 45.000.000 đồng; dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/5/2016 ông N góp được 12 kì bằng 18.000.000 đồng. Tổng số tiền 84.000.000 đồng, có trả được 48.000.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền còn lại 36.000.000 đồng, bà xin không tham gia xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Đ là phù hợp.

[2] Về nội dung: Ông N khởi kiện yêu cầu ông Th và bà Đ trả số tiền hụi còn nợ 57.600.000 đồng. Thấy rằng, việc ông N cho rằng ông có tham gia hụi do bà Đ và ông Th làm chủ và số tiền nợ hụi còn nợ theo giấy tính tiền hụi ngày 15/3/2017 là có cơ sở, được ông Th thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc ông Th và bà Đ cho rằng các dây hụi ông N chưa hết là không đúng theo giấy tính tiền hụi của bà Đ. Bởi lẽ theo giấy tính hụi thể hiện ông N có hết 2 dây hụi 2.000.000 đồng, được bà Đ tính toán số tiền được hưởng sau khi trừ tiền hụi chết và tiền hoa hồng, chỉ có dây hụi 5.000.000 đồng ông N thừa nhận chưa hết. Mặt khác, sau khi đình hụi bà Đ đã đối chiếu tự chốt công nợ theo giấy tính tiền hụi ngày 15/3/2017 thì số tiền còn nợ ông N 57.600.000 đồng nên việc ông Th và bà Đ yêu cầu được trả cho ông N bằng số tiền thực góp còn nợ 36.000.000 đồng là không phù hợp nên không được xem xét.

Từ các lập luận nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N. Buộc ông Th và bà Đ có nghĩa vụ trả cho ông N số tiềnhui 57.600.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự: Ông N không phải chịu do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, ông Th và bà Đ được miễn toàn bộ án phí (có đơn xin miễn án phí).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N. Buộc ông Võ Trung Th và bà Nguyễn Thị Đ trả cho ông trả cho ông Huỳnh Văn N số tiềnhui 57.600.000 đồng (năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Th và bà Đ chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông Th và bà Đ còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Ông Huỳnh Văn N không phải chịu. Ông Võ Trung Th và bà Nguyễn Thị Đ được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)  
**Huỳnh Ngọc Mai**

